SỞ GIÁO DỤC & ĐT HÀ NỘI **TRƯỜNG TIỂU HỌC, THCS** **VÀ THPT ĐA TRÍ TUỆ** Số: 242/2026/QĐ-MIS	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Hà Nội, ngày 12 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai tài chính năm học 2026 – 2027

HIỆU TRƯỞNG

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ, học phí và các chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với cơ sở giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 18/2011/TT-BGDĐT ngày 09/5/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

Căn cứ kế hoạch nhà trường năm học 2026 - 2027 và tình hình thực tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt công khai thu - chi tài chính của Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Đa Trí Tuệ năm học 2026 - 2027, bao gồm các nội dung chính sau:

1. Tình hình tài chính và hoạt động tài chính của cơ sở giáo dục theo các văn bản quy định hiện hành về chính sách xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; công khai mức thu học phí và các khoản thu theo từng năm.

2. Học phí và các khoản thu khác từ người học: Mức tăng học phí không vượt quá 10%/năm theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP; công khai mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho 02 năm học tiếp theo.

3. Các cơ sở, chính sách ưu đãi, miễn giảm học phí đối với các đối tượng thuộc diện được hưởng chính sách xã hội theo quy định.

4. Các khoản chi theo từng năm học: Chi trả lương và các khoản khác theo lương; chi đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động; chi bồi dưỡng chuyên môn; chi đầu

tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị, sách thư viện; chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hoạt động phong trào...) và các khoản chi khác.

5. Công khai việc quản lý, sử dụng và thu chi Quỹ Ban đại diện cha mẹ học sinh (quỹ phụ huynh) theo đúng quy định tại Thông tư số 18/2011/TT-BGDĐT.

Điều 2. Hình thức, thời gian và tổ chức thực hiện công khai:

1. Hình thức công khai:

- Đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của nhà trường vào tháng 7 hàng năm, đảm bảo tính chính xác, đầy đủ và kịp thời.

- Niêm yết công khai tại bảng tin, phòng kế toán nhà trường nhằm đảm bảo thuận tiện cho người học, cán bộ, giáo viên và phụ huynh tiếp cận thông tin

- Phổ biến trực tiếp tại cuộc họp Cha mẹ học sinh đầu năm học.

2. Thời gian thực hiện niêm yết: Từ ngày 16/7/2026 đến hết ngày 31/8/2026.

3. Tổ chức thực hiện:

- Bộ phận Kế toán chịu trách nhiệm lập biểu mẫu công khai theo đúng quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT, Nghị định số 238/2025/NĐ-CP và Quyết định số 238/QĐ-MIS ngày 12/7/2026 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm học 2026 - 2027 của Trường Tiểu học, THCS & THPT Đa Trí Tuệ.

- Hiệu trưởng chỉ đạo các bộ phận chuyên môn phối hợp thực hiện niêm yết và đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử theo đúng thời hạn quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ban Giám hiệu, Văn phòng, Bộ phận Kế toán và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở GD&ĐT Hà Nội (để b/c);
- Chủ tịch HĐ trường (để b/c);
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG ĐA TRÍ TUỆ

Lê Viết Hùng

PHỤ LỤC 01

THÔNG BÁO CÁC KHOẢN THU CHI TÀI CHÍNH NĂM 2025

I. Thu năm 2025 (đvt: đồng):

-Ngân sách nhà nước: 0đ

- Tổng thu học phí và các khoản thu khác năm 2024: **73.565.571.175đ**

Kỳ thu học phí: Thu theo tháng/kỳ/năm.

Hình thức thu học phí: Tiền mặt hoặc chuyển khoản.

- Thu BHYT học sinh cấp 2-3 năm 2025: **349.385.400đ** (khoản này được thu vào T11/2025)

II Chi năm 2025:

2.1 Chi thường xuyên trên tổng thu học phí:

Khoản Chi	Số tiền (đvt: đồng)
1. Tiền lương, tiền công, chi khác cho người lao động	32.927.049.646
2. Trang thiết bị đồ dùng dạy học	1.553.096.000
3.Khấu hao tài sản cố định + phân bổ công cụ đồ dùng	6.784.548.804
4. Điện nước dịch vụ thuê ngoài.	4.091.992.697
5. Chi trả tiền vay, lãi vay, giảm học phí	18.331.338.671
6. Chi phí quản lý	21.404.825.578
7. Chi phí dự phòng	0
Cộng	85.092.851.396

2.2 Mức thu nhập hàng tháng của Cán bộ giáo viên và quản lý:

- Mức thu nhập hàng tháng của giáo viên, nhân viên cơ hữu:

+ Mức thu nhập hàng tháng thấp nhất của giáo viên, nhân viên: 5.350.000đ

+ Mức thu nhập hàng tháng trung bình của giáo viên, nhân viên: 10.000.000đ

+ Mức thu nhập hàng tháng cao nhất của giáo viên, nhân viên: 30.000.000đ

- Mức thu nhập hàng tháng của cán bộ quản lý:

+ Mức thu nhập hàng tháng thấp nhất của cán bộ quản lý: 15.000.000đ

+ Mức thu nhập hàng tháng trung bình của cán bộ quản lý: 25.000.000đ

+ Mức thu nhập hàng tháng cao nhất của cán bộ quản lý: 40.000.000đ

2.3 Mức chi thường xuyên cho một học sinh

Mức chi thường xuyên cho một học sinh bao gồm:

STT	Nội dung chi
1	Đồ dùng học tập
2	Đồ dùng bán trú
3	Khen thưởng, ưu đãi, học bổng, chi khác cho học sinh

Mức chi thường xuyên cho 1 học sinh là 166.000đ/học sinh/tháng

II Số dư Quỹ năm 2025:

Nội dung quỹ	Số tiền (đvt: đồng)
1. Quỹ tiền mặt	277.515.220
2. Tài khoản	4.747.452.783

PHỤ LỤC 02

THÔNG BÁO CÁC KHOẢN THU NĂM HỌC 2026-2027 VÀ DỰ KIẾN THU HỌC PHÍ NĂM HỌC 2027-2028, NĂM HỌC 2028-2029

I. Thu học phí; phụ phí (đvt: đồng):

Cấp Tiểu học

1.1 Năm học 2025-2026

Khối	Hệ Steam	Hệ CLC	Hệ NKNN
Khối 1	5.000.000	6.500.000	6.500.000
Khối 2	4.830.000	5.460.000	6.195.000
Khối 3	4.630.000	5.292.000	6.174.000
Khối 4	3.800.000		5.500.000
Khối 5	4.180.000		6.050.000

1.2 Năm học 2026-2027

Khối	Hệ Steam	Hệ CLC công nghệ	Hệ NKNN/tài năng
Khối 1 HP	3.000.000	4.000.000	4.000.000
Khối 1 phí bổ trợ	1.500.000	2.500.000	2.500.000
Khối 2	5.000.000	6.500.000	6.500.000
Khối 3	5.071.500	5.733.000	6.504.750
Khối 4	4.861.500	5.556.600	6.482.700
Khối 5	3.800.000		5.500.000

1.3 Năm học 2027-2028

Khối	Hệ Steam	Hệ CLC công nghệ	Hệ NKNN/tài năng
Khối 1			
Khối 2 HP	3.000.000	4.000.000	4.000.000
Khối 2 phí bổ trợ	1.500.000	2.500.000	2.500.000
Khối 3	5.000.000	6.500.000	6.500.000
Khối 4	5.071.500	5.733.000	6.504.750
Khối 5	4.861.500	5.556.600	6.482.700

Cấp THCS-THPT

1.1 Năm học 2026-2027

Khối	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5
Khối 6	4.000.000	7.000.000			
Khối 7	3.000.000	4.000.000	5.500.000	6.500.000	7.000.000
Khối 8	6.615.000	7.166.000			
Khối 9	5.785.000	6.366.000	7.176.000		
Khối 10	4.500.000	5.000.000	7.000.000		
Khối 11	5.500.000	6.500.000	7.000.000		
Khối 12	6.063.000	6.615.000	7.166.000		

1.2 Năm học 2027-2028

Khối	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5
Khối 6	Hồ sơ tuyển sinh NH 2027-2028	Hồ sơ tuyển sinh NH2027-2028	Hồ sơ tuyển sinh NH2027-2028	Hồ sơ tuyển sinh NH2027-2028	Hồ sơ tuyển sinh NH2027-2028
Khối 7	4.000.000	7.000.000			
Khối 8	3.000.000	4.000.000	5.500.000	6.500.000	7.000.000
Khối 9	6.945.000	7.524.000			
Khối 10	Hồ sơ tuyển sinh NH2027-2028	Hồ sơ tuyển sinh NH2027-2028	Hồ sơ tuyển sinh NH2027-2028	Hồ sơ tuyển sinh NH2027-2028	Hồ sơ tuyển sinh NH2027-2028
Khối 11	4.500.000	5.000.000	7.000.000		
Khối 12	6.050.000	7.150.000	7.700.000		

1.3 Năm học 2028-2029

Khối	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5
Khối 6	Hồ sơ tuyển sinh NH2028-2029	Hồ sơ tuyển sinh NH2028-2029	Hồ sơ tuyển sinh NH2028-2029	Hồ sơ tuyển sinh NH2028-2029	Hồ sơ tuyển sinh NH2028-2029
Khối 7	Hồ sơ tuyển sinh NH2027-2028	Hồ sơ tuyển sinh NH2027-2028	Hồ sơ tuyển sinh NH2027-2028	Hồ sơ tuyển sinh NH2027-2028	Hồ sơ tuyển sinh NH2027-2028
Khối 8	4.250.000	7.400.000			
Khối 9	3.300.000	4.400.000	6.050.000	7.150.000	7.700.000
Khối 10	Hồ sơ tuyển sinh NH2028-2029	Hồ sơ tuyển sinh NH2028-2029	Hồ sơ tuyển sinh NH2028-2029	Hồ sơ tuyển sinh NH2028-2029	Hồ sơ tuyển sinh NH2028-2029
Khối 11	Hồ sơ tuyển sinh NH2027-2028	Hồ sơ tuyển sinh NH2027-2028	Hồ sơ tuyển sinh NH2027-2028	Hồ sơ tuyển sinh NH2027-2028	Hồ sơ tuyển sinh NH2027-2028
Khối 12	3.800.000	5.300.000	7.300.000		

Kỳ thu học phí: Thu theo tháng/kỳ/năm.

Hình thức thu học phí: Tiền mặt hoặc chuyển khoản.

2. Ưu đãi học phí năm học 2026-2027:

2.1 Ưu đãi đóng trước:

Học sinh đóng tiền học phí sớm được nhận những ưu đãi sau:

Đóng trước 1 kỳ giảm 2% học phí (Nộp trước 30/9/2026)

Đóng trước 1 năm giảm 5% học phí (Nộp trước 30/9/2026)

2.2 Các khoản ưu đãi khác:

Đối tượng	**Mức ưu đãi (Tính theo mức HP lớp theo học)**	**Hồ sơ**
Con giáo viên nhân viên	- Con thứ 1 theo học tại trường giảm 30% HP - Con thứ 2 theo học tại trường giảm 40% HP	- Quyết định công nhận là GV-NV.
Anh em học cùng trường	Giảm 5% HP mỗi bạn - Học sinh nhập học NH2026-2027: Con thứ 1 giảm 10% học phí, con thứ 2 giảm 15% học phí…..	Bộ phận văn phòng lập danh sách
Ưu đãi nhập học sớm	Theo chính sách từng đợt tuyển sinh	Áp dụng cho NH đầu tiên

Các khoản miễn giảm được phép cộng dồn cho từng học sinh nhưng không vượt quá ngưỡng 100% mức học phí.

II. Các khoản thu khác năm học 2026-2027:

a.Tiền ăn và chăm sóc bán trú:

- Ăn sáng: 25.000đ/bữa
- Tiền ăn trưa: 45.000đ/bữa

Tiền chăm sóc bán trú: 600.000đ/tháng.

Quy định:

Thu theo lịch bán trú hàng tháng, học sinh đăng ký vào mỗi đầu tháng. Nhà trường tạm thu 22 bữa/tháng. Số bữa ăn thừa hoặc số bữa ăn phát sinh thêm được quyết toán vào cuối tháng sau khi có bảng chấm ăn thực tế của giáo viên.

b.Tiền xe ô tô đưa đón

Mức	Một chiều	Hai chiều
Mức 1 (Bán kính 5 km)	1.000.000	1.500.000
Mức 2 (Bán kính 9 km)	1.100.000	1.800.000
Mức 3 (Bán kính 10 km)	1.100.000	2.000.000
Mức 4 (Bán kính >11km)	1.200.000	2.000.000

Quy định: Tiền xe ô tô được ký hợp đồng với công ty dịch vụ theo năm học, tháng nhiều ngày bù cho tháng ít ngày, lấy trung bình để tính giá thuê, do đó tiền xe các tháng như nhau.

Dịch vụ xe bus chỉ được đảm bảo trong trường hợp Phụ huynh đã hoàn tất việc đóng phí dịch vụ xe bus và Nhà trường sắp xếp được tuyến xe phù hợp với đăng ký của học sinh.

Nhà trường cung cấp dịch vụ xe bus đưa/ đón học sinh toàn hệ thống với hai hình thức: - Tại bến: Xe đón, trả học sinh tại đầu ngõ nếu ngõ nhỏ xe không vào được hoặc không có điểm quay đầu xe. - Tại nhà: Xe đón, trả học sinh tại cửa nhà học sinh hoặc sảnh tòa chung cư nơi học sinh sinh sống. Trường hợp gia đình có 02 con trở lên đăng ký dịch vụ xe bus thì phí xe mỗi con sẽ được giảm 20% (đón/ trả cùng địa điểm và thời gian).

Trường hợp đăng ký xe bus 2 chiều đón trả không cùng địa điểm, phí xe bus được tính theo đơn giá 1 chiều cho mỗi địa điểm khác nhau.

Học sinh có nhu cầu đăng ký mới/ thay đổi địa điểm đón/ trả, Phụ huynh cần thông báo tới Nhà trường tối thiểu trước ngày 07 ngày làm việc.

Học sinh đang sử dụng dịch vụ xe bus có nguyện vọng dừng dịch vụ, Phụ huynh cần thông báo tới Nhà trường tối thiểu trước 07 ngày làm việc.

Phí dịch vụ xe bus có thể thay đổi trong năm học nếu có biến động lớn trên thị trường về giá xăng dầu. Nhà trường sẽ thông báo 07 ngày trước khi chính thức áp dụng.

c. Các khoản thu hàng năm:

- Đối với HS nhập học các năm trước:

Nội dung	Mức thu
Phát triển trường	3.000.000
Học phẩm, học liệu	500.000

Cổng thông tin điện tử, Office 365	500.000
Hoạt động phong trào, sự kiện, lễ hội	500.000
Quỹ khuyến học, Đoàn, Đội, khen thưởng	500.000
Trải nghiệm sáng tạo, tham quan dã ngoại	1.500.000
Nội dung	**Mức thu**
Bảo hiểm y tế bắt buộc	*Theo quy định của cơ quan bảo hiểm*

- Đối với HS nhập học từ NH 2024-2025:

Nội dung	**Mức thu**
Phát triển trường	5.000.000
Học phẩm, học liệu	500.000
Cổng thông tin điện tử, Office 365	700.000
Hoạt động phong trào, sự kiện, lễ hội	500.000
Quỹ khuyến học, Đoàn, Đội, khen thưởng	300.000
Trải nghiệm sáng tạo, tham quan dã ngoại	1.500.000
Nội dung	**Mức thu**
Bảo hiểm y tế bắt buộc	*Theo quy định của cơ quan bảo hiểm*

Phí phát triển trường

- Phí phát triển trường là khoản phí thường niên, áp dụng đối với cả Học sinh đang học và Học sinh mới nhập học. - Học sinh nhập học vào học kỳ 2 đóng 50% mức phí cả năm học.

- Phí phát triển trường không được hoàn lại hoặc chuyển nhượng trong mọi trường hợp.

Phí học phẩm, học liệu: là chi phí thường niên, áp dụng với cả học sinh đang học và học sinh mới nhập học. Đây là chi phí để trang bị các dụng cụ học tập chung trong lớp học, phần mềm học tập, tài liệu và học liệu đặc thù của chương trình học.

Học sinh nhập học vào học kỳ 2 đóng 50% mức phí học phẩm cả năm học.

Phí thông tin liên lạc điện tử, office 365: Phí khởi tạo, duy trì tài khoản bản quyền Microsoft Teams để Học sinh thực hiện các nhiệm vụ học tập, lưu trữ tài liệu học tập.

Nhà trường và Phụ huynh sử dụng ứng dụng Teams để trao đổi thông tin liên quan tới học sinh.

Phí hoạt động phong trào, sự kiện, lễ hội, sinh nhật,…: Hoạt động phong trào, sự kiện hàng tháng được tổ chức theo chủ đề, chủ điểm đa dạng, vừa mang tính giải trí vừa mang tính giáo dục. Sự kiện trong Nhà trường tạo điều kiện cho học sinh có cơ hội phát triển bản thân, cải thiện các kỹ năng, đồng thời cũng là cơ hội tăng cường sự kết nối, giao lưu và giải trí.

Lưu ý: Học sinh không tham gia hoạt động ngoại khoá vì lý do cá nhân sẽ không được hoàn lại khoản phí này.

Quỹ khuyến học, khuyến tài: Quỹ này kết hợp với Quỹ "Nhân tài hợp lực" của Tổng Giám đốc Điều hành Nhà trường dành để khen thưởng tập thể, cá nhân học sinh hàng kỳ, hàng năm hoặc khi học sinh tiến bộ vượt bậc, có kết quả tốt trong các kỳ thi cấp quận, thành phố, quốc gia, quốc tế và thưởng khuyến khích tập thể, cá nhân học sinh có tiến bộ trong học tập và hoạt động phong trào Đoàn Đội.

Phí hoạt động trải nghiệm sáng tạo: Hoạt động trải nghiệm sáng tạo và trải nghiệm liên môn được tổ chức định kỳ. - Chương trình Tâm vận động với chuỗi hoạt động liên hoàn tại Trang trại giáo dục MIS giúp phát triển kỹ năng vận động, tăng cường thể lực - kích hoạt tư duy - giải quyết vấn đề - làm việc teamwork kết hợp sáng tạo nghệ thuật, âm nhạc, mỹ thuật, khoa học, nông nghiệp... Đồng thời, học sinh được hoà mình vào thiên nhiên giúp não bộ được

thư giãn, tái tạo năng lượng khơi dậy tình yêu thiên nhiên và ý thức bảo vệ trái đất xanh. - Chương trình trải nghiệm liên môn Văn hoá - Địa lý - Lịch sử - GDCD - Tiếng Anh - Kỹ năng sống, Thực hành Trí tuệ cảm xúc tại những địa danh, di tích, bảo tàng,... giúp học sinh gắn kết những gì học được trong sách vở với thực tế, phát triển khả năng tự học, chủ động kết nối kiến thức các môn học một cách sáng tạo. Mang đến cơ hội cho học sinh lĩnh hội kiến thức sâu rộng và đa diện hơn nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn cuộc sống.

III Dự kiến chi năm học 2026-2027:

3.1 Tỷ lệ các khoản chi thường xuyên trên tổng thu học phí:

Khoản mục phí hàng tháng	Tỷ lệ phân bổ (%)
1. Tiền lương, tiền công, chi khác cho người lao động	46
2. Trang thiết bị đồ dùng dạy học	4
3.Khấu hao tài sản cố định + phân bổ công cụ đồ dùng	5
4. Điện nước dịch vụ thuê ngoài.	2
5. Chi trả tiền vay, lãi vay, giảm học phí	28
6. Chi phí quản lý	5
7. Chi phí dự phòng	5
Chênh lệch thu chi dự kiến	5
Cộng	100

3.2 Mức thu nhập hàng tháng của Cán bộ giáo viên và quản lý:

- Mức thu nhập hàng tháng của giáo viên, nhân viên cơ hữu:

+ Mức thu nhập hàng tháng thấp nhất của giáo viên, nhân viên: 5.350.000đ

+ Mức thu nhập hàng tháng trung bình của giáo viên, nhân viên: 15.000.000đ

+ Mức thu nhập hàng tháng cao nhất của giáo viên, nhân viên: 35.000.000đ

- Mức thu nhập hàng tháng của cán bộ quản lý:

+ Mức thu nhập hàng tháng thấp nhất của cán bộ quản lý: 10.000.000đ

+ Mức thu nhập hàng tháng trung bình của cán bộ quản lý: 25.000.000đ

+ Mức thu nhập hàng tháng cao nhất của cán bộ quản lý: 50.000.000đ

3.3 Mức chi thường xuyên cho một học sinh

Mức chi thường xuyên cho một học sinh bao gồm:

STT	Nội dung chi
1	Đồ dùng học tập
2	Đồ dùng bán trú
3	Khen thưởng, ưu đãi, học bổng, chi khác cho học sinh

Dự kiến mức chi thường xuyên cho 1 học sinh là 160.000đ/học sinh/tháng